

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 96/2022/DS-ST
Ngày: 24/10/2022
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Tự
2. Ông Nguyễn Thành Quyển

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp tham gia phiên tòa:
Ông Lê Minh Liệt – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2022, về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2022/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ

Địa chỉ: Số 130 Phan Đ, phường 3, quận P, thành phố H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Địa chỉ liên hệ: Số 975 A Hùng V, phường N, thành phố N, tỉnh H (Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh H)

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Phan Văn T – Chức vụ: Trưởng phòng phát triển kinh doanh chi nhánh H. Theo văn bản ủy quyền ngày 31/12/2021 (có mặt)

Bị đơn:

1. Ông Trần Hoàng G, sinh năm: 1987; Địa chỉ: ấp Thống N, thị trấn C, huyện

P, tỉnh H (vắng mặt)

2. Bà Trần Thị N, sinh năm: 1986; Địa chỉ: ấp Thống N, thị trấn C, huyện P, tỉnh H (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trương Thị N, sinh năm: 1950; Địa chỉ: ấp Thống N, thị trấn C, huyện P, tỉnh H (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thị N: Ông Trần Hoàng G, sinh năm: 1987; Địa chỉ: ấp Thống N, thị trấn C, huyện P, tỉnh H. Theo văn bản ủy quyền ngày 14/9/2022 (vắng mặt)

2. Ông Trần Hoàng K; Địa chỉ: ấp Thống N, thị trấn C, huyện P, tỉnh H (vắng mặt)

3. Ông Lê Văn L; Địa chỉ: ấp Thống N, thị trấn C, huyện P, tỉnh H (vắng mặt)

4. Bà Nguyễn Thị Lan C, sinh năm: 1966; Địa chỉ: ấp Thống N, thị trấn C, huyện P, tỉnh H (có mặt)

5. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1967; Địa chỉ: ấp Thống N, thị trấn C, huyện P, tỉnh H (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/11/2021, các lời khai có trong hồ sơ vụ án, đồng thời tại phiên tòa đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần Đ trình bày:

Ngân hàng với ông Trần Hoàng G và bà Trần Thị N (vợ ông G) có ký hợp đồng tín dụng trung hạn số N0048/1217 được ký kết ngày 26/12/2017 để cho ông G và bà N vay số tiền 150.000.000 đồng, mục đích vay để cải tạo đất, chăm sóc cây lâu năm, thời hạn vay 05 năm (60 tháng): lãi suất cho vay là 10.2%/năm (0,85%/tháng), lãi suất cho vay sẽ điều chỉnh theo định kỳ (nếu có); lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lịch trả nợ gốc trong hợp đồng có thể hiện số tiền cụ thể hằng năm phải trả theo quy định cho đến khi hết thời hạn vay là 05 năm, lãi suất vay trả theo định kỳ vào ngày 26 hàng quý. Trong quá trình vay từ ngày 27/12/2017 đến ngày 24/10/2022 ông G và bà N chỉ trả được tổng số tiền 106.717.589 đồng, trong đó nợ vốn là 63.709.500 đồng, lãi trong hạn là 41.097.500 đồng và lãi quá hạn là 1.910.589 đồng. Do ông G và bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ vốn và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, nên từ ngày 05/01/2020 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn.

Để đảm bảo việc vay nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, bà Trương Thị N (mẹ ông Trần Hoàng G) đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số K0106/TC17 ngày 26/12/2017, Cụ thể tài sản thế chấp gồm:

1. Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H-00992, thửa đất 239, tờ bản đồ số 02, diện tích đất trên giấy chứng nhận là 3419,0 m², loại

đất trồng cây hàng năm khác, địa chỉ đất: ấp Thống N, thị trấn C, huyện P, tỉnh H, do Ủy ban nhân dân huyện Phụng Hiệp cấp ngày 23/12/2011 cho bà Trương Thị N.

2. Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H-00993, thửa đất 145, tờ bản đồ số 02, diện tích đất trên giấy chứng nhận là 1281,0 m², loại đất trồng cây lâu năm, địa chỉ đất: ấp Thống Nhất, thị trấn Cây Dương, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, do Ủy ban nhân dân huyện Phụng Hiệp cấp ngày 23/12/2011 cho bà Trương Thị N.

3. Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H-00994, thửa đất 146, tờ bản đồ số 02, diện tích đất trên giấy chứng nhận là 300,0 m², loại đất ở tại đô thị, địa chỉ đất: ấp Thống Nhất, thị trấn Cây Dương, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, do Ủy ban nhân dân huyện Phụng Hiệp cấp ngày 23/12/2011 cho bà Trương Thị N.

4. Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H-00995, thửa đất 151, tờ bản đồ số 02, diện tích đất trên giấy chứng nhận là 3602,0 m², loại đất trồng cây hàng năm khác, địa chỉ đất: ấp Thống Nhất, thị trấn Cây Dương, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, do Ủy ban nhân dân huyện Phụng Hiệp cấp ngày 23/12/2011 cho bà Trương Thị N.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Trần Hoàng G và bà Trần Thị N thanh toán số nợ vốn và lãi tạm tính đến ngày 24/10/2022 là 107.771.635 đồng, trong đó tiền gốc 86.290.500 đồng, lãi trong hạn 12.393.000 đồng, lãi quá hạn 9.088.135 đồng. Ngoài ra yêu cầu lãi phát sinh kể từ ngày 25/10/2022 cho đến khi trả tất nợ theo hợp đồng tín dụng trung hạn số N0048/1217 được ký kết ngày 26/12/2017. Nếu bị đơn không thanh toán tất nợ, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số K0106/TC17 ngày 26/12/2017 để bảo đảm việc thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn ông Trần Hoàng G và bà Trần Thị N theo biên bản hòa giải ngày 15/9/2022 (bl 77-78) thống nhất trình bày:

Ông G và bà N thừa nhận số nợ như ngân hàng yêu cầu, nhưng vì hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn nên chưa có tiền trả nợ cho ngân hàng. Nay ông G và bà N thống nhất trả nợ gốc, đối với phần lãi mong Ngân hàng xem xét giảm lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị N, đại diện ông Trần Hoàng G theo biên bản hòa giải ngày 15/9/2022 (bl 77-78) trình bày:

Trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số K0106/TC17 ngày 26/12/2017 thì bà N cũng đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Lan C và ông Nguyễn Văn N tại phiên tòa thống nhất trình bày:

Vào năm 2020 ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Lan C (vợ ông Nn) có ký hợp đồng nhận cầm cố 01 phần đất của bà Trương Thị N và ông Trần Hoàng G (con bà N), thỏa thuận diện tích nhận cầm cố là 4.000 m², với giá 130.000.000 đồng, thời gian cố là 07 năm, từ ngày 10/11/2020 đến ngày 10/11/2027; hai bên đã giao

nhận tiền và nhận đất canh tác đủ. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ thì ông N và bà Lan C không có ý kiến gì; đối với việc cầm cố phần đất trên để ông N, bà C sẽ tự thỏa thuận với bà N và ông G.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Trần Hoàng K và ông Lê Văn L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng; những người tham gia tố tụng nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt là không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Buộc bị đơn ông Trần Hoàng G và bà Trần Thị N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ tổng số tiền là 107.771.635 đồng, trong đó tiền gốc 86.290.500 đồng, lãi trong hạn 12.393.000 đồng, lãi quá hạn 9.088.135 đồng (lãi tạm tính đến ngày 24/10/2022) tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi bị đơn hoàn thành nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký.

Nếu ông Trần Hoàng G và bà Trần Thị N không trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Chi phí xem xét, thẩm định: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật

Về án phí: Bị đơn thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng. Nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn Trần Hoàng G, Trần Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Thị N, Trần Hoàng K và Lê Văn L đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử nhiều lần nhưng vắng mặt. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào hồ sơ vay vốn của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ cung cấp, cụ thể là hợp đồng tín dụng trung hạn số N0048/1217 được ký kết ngày 26/12/2017, nên có cơ sở xác định ông Trần Hoàng G và bà Trần Thị N có vay của Ngân hàng số tiền 150.000.000 đồng để cải tạo đất và chăm sóc cây lâu năm. Trong quá trình vay từ ngày 27/12/2017 đến ngày 24/10/2022 ông G và bà N chỉ trả được tổng số tiền 106.717.589 đồng, trong đó nợ vốn là 63.709.500 đồng, lãi trong hạn là 41.097.500 đồng và lãi quá hạn là 1.910.589 đồng. Đối với số tiền lãi và nợ vốn còn lại ông G và bà N không trả đúng hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký, mặc dù ngân hàng đã nhắc nhở nhiều lần. Đến nay đã quá thời gian theo thỏa thuận của hợp đồng mà ông G và bà N vẫn chưa thanh toán tiền lãi phát sinh và nợ vốn còn lại cho Ngân hàng là vi phạm hợp đồng, quá trình giải quyết vụ án ông G và bà N cũng thừa nhận số nợ theo như Ngân hàng yêu cầu. Do đó Ngân hàng thương mại cổ phần Đ khởi kiện yêu cầu ông G và bà N trả nợ bao gồm tiền vốn còn lại và lãi suất phát sinh là phù hợp.

[3] Để đảm bảo việc vay nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, bà Trương Thị N (mẹ ông Trần Hoàng G) đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số K0106/TC17 ngày 26/12/2017, Cụ thể tài sản thế chấp gồm:

[3.1] Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H-00992, thửa đất 239, tờ bản đồ số 02, diện tích đất trên giấy chứng nhận là 3419,0 m², loại đất trồng cây hàng năm khác, địa chỉ đất: ấp Thống Nhất, thị trấn Cây Dương, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, do Ủy ban nhân dân huyện Phụng Hiệp cấp ngày 23/12/2011 cho bà Trương Thị N.

[3.2] Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H-00993, thửa đất 145, tờ bản đồ số 02, diện tích đất trên giấy chứng nhận là 1281,0 m², loại đất trồng cây lâu năm, địa chỉ đất: ấp Thống Nhất, thị trấn Cây Dương, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, do Ủy ban nhân dân huyện Phụng Hiệp cấp ngày 23/12/2011 cho bà Trương Thị N.

[3.3] Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H-00994, thửa đất 146, tờ bản đồ số 02, diện tích đất trên giấy chứng nhận là 300,0 m², loại đất ở tại đô thị, địa chỉ đất: ấp Thống Nhất, thị trấn Cây Dương, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, do Ủy ban nhân dân huyện Phụng Hiệp cấp ngày 23/12/2011 cho bà Trương Thị N.

[3.4] Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H-00995, thửa đất 151, tờ bản đồ số 02, diện tích đất trên giấy chứng nhận là 3602,0 m², loại đất trồng cây hàng năm khác, địa chỉ đất: ấp Thống Nhất, thị trấn Cây Dương, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, do Ủy ban nhân dân huyện Phụng Hiệp cấp ngày 23/12/2011 cho bà Trương Thị N.

[3.5] Xét thấy, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số K0106/TC17 ngày 26/12/2017 đã được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang là đúng với trình tự thủ tục được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 10 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

[4] Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đang có nhà, cây trồng và canh tác trên một phần đất thế chấp theo biên bản xác minh phần đất thế chấp ngày 05/9/2022 có xác nhận của chính quyền địa phương (bl 65) gồm: ông Trần Hoàng K, ông Lê Văn L, bà Nguyễn Thị Lan C và ông Nguyễn Văn N, nhưng quá trình giải quyết vụ án không ai có yêu cầu độc lập, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Từ những nhận định nêu trên Ngân hàng thương mại cổ phần Đ khởi kiện ông Trần Hoàng G và bà Trần Thị N phải trả tổng số nợ còn lại 107.771.635 đồng, trong đó tiền vốn 86.290.500 đồng, lãi trong hạn 12.393.000 đồng, lãi quá hạn 9.088.135 đồng (lãi tạm tính đến ngày 24/10/2022) và tính lãi phát sinh từ ngày 25/10/2022 cho đến khi trả hết nợ theo hợp đồng tín dụng trung hạn số N0048/1217 được ký kết ngày 26/12/2017 là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp bị đơn ông G và bà N không trả nợ hoặc trả không hết nợ thì nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số K0106/TC17 ngày 26/12/2017 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đ với bà Trương Thị N

[6] Chi phí xác minh, thẩm định tại chỗ phần đất thế chấp: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Buộc ông Trần Hoàng G và bà Trần Thị N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ tổng số tiền 107.771.635 đồng, trong đó tiền gốc 86.290.500 đồng, lãi trong hạn 12.393.000 đồng, lãi quá hạn 9.088.135 đồng (lãi tạm tính đến ngày 24/10/2022)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trong trường hợp bị đơn ông Trần Hoàng G và bà Trần Thị N không trả nợ hoặc trả không dứt nợ thì nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số K0106/TC17 ngày 26/12/2017 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đ với bà Trương Thị N để thu hồi nợ.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Trần Hoàng G và bà Trần Thị N phải nộp 4.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự để hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Trần Hoàng G và bà Trần Thị N thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền 2.205.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007781 ngày 17/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND h. Phụng Hiệp;
- THA h. Phụng Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Tiến Dũng